

Tổng số	21	20	16	18	1	1	4	10	2	20	1
----------------	-----------	-----------	-----------	-----------	----------	----------	----------	-----------	----------	-----------	----------

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

	Tổng (Người)	Kết quả xếp loại của cơ sở giáo dục			
		Khá		Tốt	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
1. CBQL					
Hiệu trưởng	1			1	100
Phó Hiệu trưởng	2			2	100
2. Giáo viên					
Tổng số	15	6	40	9	60

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Tổng số 18/18 đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất xây dựng

Tổng diện tích 2.115,8m²; diện tích bình quân/trẻ: 11,25 đạt 17.5 m²/trẻ so với quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGD&ĐT quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất là 12 m²/trẻ.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị

Phòng theo mục đích sử dụng	Số lượng	Diện tích trung bình (m²)	Đủ (thiếu)	Kiên cố	Sử dụng có hiệu quả	Đảm bảo các điều kiện CSVC
1. Khối phòng hành chính- quản trị						

Phòng Hiệu trưởng	1	18	Đủ	x	x	x
Phòng Phó HT	1	18	Đủ	x	x	x
Phòng hội trường	0	0	Thiếu	0	0	0
Phòng bảo vệ	1	8	Đủ	x	x	x
Khu vệ sinh GV	1	8	Đủ	x	x	x
Khu để xe GV	1	25	Đủ	x	x	x
2. Khối phòng học tập						
Phòng học	7	45	Đủ	x	x	x
Phòng Ân	1	45	Đủ	x	x	x
Phòng Kidsmart	1	Bị hỏng	Thiếu	0	0	0
Nhà đa chức năng	0	0	Thiếu	0	0	0
Phòng tiếng Anh	0	0	Thiếu	0	0	0
3. Khối phòng hỗ trợ học tập						
Phòng tư vấn TL	0	0	Thiếu	0	0	0
4. Khối phụ trợ						
Phòng họp	1	42	Đủ	x	x	x
Phòng Y tế	1	18	Đủ	x	x	x
Nhà kho	1	18	Đủ	x	x	x
Khu vệ sinh HS	2	220	Đủ	x	x	x
5. Khối phục vụ sinh hoạt						
Nhà bếp	1	Bị hỏng	0	0	0	0
Kho bếp	1	Tạm	Đủ	Tạm	Tạm	Tạm

1. Số lượng thiết bị đồ dùng đồ chơi

- 7/7 lớp học có đủ bàn ghế, ti vi, đồ dùng và phương tiện dạy học.
- Toàn trường có 05 máy tính để bàn có kết nối mạng Internet, 03 máy tính xách tay, 01 máy chiếu đa năng, 01 khung tương tác; 03 ti vi có gắn màn hình tương tác

2. Số lượng đồ chơi ngoài trời

Tổng số 10 loại, bao gồm (cầu trượt, xích đu, sà lắc, nhà bóng, thiết bị vận động đa năng, thang leo...)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá

Tại thời điểm hiện tại, nhà trường tự đánh giá chưa đạt các tiêu chí kiểm định chất lượng mức 3, trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Do ảnh hưởng của cơn bão số 3 nhà trường bị hư hỏng nhiều thiết bị, đồ dùng dạy học. Còn thiếu các phòng chức năng theo quy định tại thông tư số 13/2020/TT-BGD&ĐT...

2. Kết quả đánh giá ngoài

Năm 2018 nhà trường được công nhận duy trì chất lượng kiểm định cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia mức độ 2 theo QĐ số 04/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của UBND tỉnh Lào Cai.

4. Chương trình GD nước ngoài mà cơ sở có tham khảo ứng dụng.

- Tên chương trình: Không
- Cơ quan có thẩm quyền công nhận chương trình: Bộ GD&ĐT.

Trên đây là Thông báo công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động GDMN năm học 2025-2026 của Trường Mầm non Hoa Mai./.

Nơi nhận:

- Các tổ chức đoàn thể;
- CBGVNV nhà trường;
- Ban ĐDCMHS;
- Lưu : VT,

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hoàn

